TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 14/2018/HNG§-ST
Ngµy 10-5-2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN,TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2017/TLST - HNGĐ ngày 19/12/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐST- HNGĐ ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 (có mặt)*

Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh B

** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt)*

Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/6/2017, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L kết hôn năm 1985, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cao Thượng, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, ông M và bà L về chung sống với nhau, nhưng không có hạnh phúc, không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống hai bên không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau, đánh nhau, không tôn trọng nhau. Vợ chồng ông và bà L đã sống ly thân được khoảng 3 năm nay, trong thời gian sống ly thân bản thân ông đã nộp đơn nhiều lần ra Tòa án cụ thể là năm 2010, năm 2015 sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay ông xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/12/1986; Nguyễn Văn T sinh ngày 19/9/1988; Nguyễn Tiến C, sinh ngày 23/6/1994. Các con chung đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng. Ly hôn, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị L tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại các buổi hòa giải, bà trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông M kết hôn năm 1985, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện T. Sau khi kết hôn, bà và ông M về chung sống với nhau, trong quá trình chung sống thì ông M đã đánh đập bà nhiều lần, không quan tâm đến gia đình, bà cho rằng ông M có tình cảm với người phụ nữ khác, không tôn trọng nhau, nhưng bà vẫn làm tròn trách nhiệm của người vợ, người con dâu. Vợ chồng ông bà hiện nay đang sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay ông M có đơn xin ly hôn, bà xác định vẫn còn tình cảm với ông M và vì các con nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/12/1986; Nguyễn Văn T sinh ngày 19/9/1988; Nguyễn Tiến C, sinh ngày 23/6/1994. Các con chung đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng. Ly hôn, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị L vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông M chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn bà L chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông M, cho ông M được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/12/2086; Nguyễn Văn T sinh ngày 19/9/1988; Nguyễn Tiến C, sinh ngày 23/6/1994. Các con chung đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng. Ly hôn, ông M và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: Ông M và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Loan.

* Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M và bà L sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, hai bên có xảy ra sô xát, đánh nhau do không hợp nhau. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện giữa ông M và bà L trong quá trình chung sống có xảy ra xô sát, đánh nhau, đã được chính quyền khuyên bảo để đôi bên về hàn gắn, đoàn tụ. Về phía bà Loan cho rằng ông M có tình cảm bên ngoài, Tòa án yêu cầu bà cung cấp chứng cứ nhưng bà lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc đó, còn về phía ông Mão ông trình bày đã nhiều lần làm đơn lên Tòa án rồi lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như ở địa phương đã có nhiều biện pháp tích cực khuyên vợ chồng về đoàn tụ vì bà Loan xác định vẫn còn tình cảm với ông M, không muốn ly hôn, nhưng ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình xin được ly hôn với bà Loan. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của ông M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Mão và bà Loan đều xác định có 03 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/12/1986; Nguyễn Văn T sinh ngày 19/9/1988; Nguyễn Tiến C, sinh ngày 23/6/1994. Các con chung đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng. Ly hôn, ông M và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông M và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông M phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình ở riêng, ông M, bà L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông M và bà L tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001773 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Cao Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân